TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 09/2019/DS-ST Ngày 05 tháng 9 năm 2019 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-DS ngày 11/3/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 02/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1967, có mặt.

Trú tại: Số nhà 06 thôn HT, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N, đều vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn HT1, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Vào ngày 07/7/2017 (Âm lịch) tức vào ngày 28/8/2017 (Dương lịch), bà M có cho vợ chồng ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N vay số tiền

200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, ông C và bà N đều ký vào trong giấy. Trong giấy mượn tiền ghi 250.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ mượn là 200.000.000đồng, hẹn đến ngày 07/7/2018 (Âm lịch) tức là ngày 17/8/2018 (Dương lịch) sẽ trả nợ. Quá trình vay mượn, vợ chồng ông C, bà N đã trả cho bà M được 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc. Từ đó đến nay ông C và bà N không chịu trả tiền cho bà M mặc dù bà M đã yêu cầu nhiều lần. Nay bà M yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N phải trả cho bà M số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/8/2018 (Dương lịch) cho đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và hòa giải vụ án nhiều lần, tuy nhiên, bị đơn ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N đều vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện K phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 466 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N phải trả nợ cho nguyên đơn bà Trần Thị M số tiền gốc 150.000.000đồng và lãi từ ngày 17/8/2018 (Dương lịch) cho đến khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị M cho bị đơn ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N vay tiền; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, HĐXX xác định quan hệ pháp tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố

tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn HT, xã EB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị M yêu cầu ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải trả cho bà M số tiền 150.000.000đ đã vay dựa trên giấy vay tiền ngày 07/7/2017(Âm lịch) và lãi suất theo quy định tính từ ngày 17/8/2018 (Dương lịch) cho tới ngày xét xử vụ án.

Do bị đơn không hợp tác làm việc, để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N tại giấy mượn tiền ngày 07/7/2017 giữa bà M và ông Huỳnh Đức C, bà Văn Thị N do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án so với chữ ký và chữ viết của ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0207/2016/502-BĐ ngày 03/8/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Đắk Lắk và bên thế chấp là ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 03/6/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á và bên thế chấp là ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N (các tài liệu so sánh đều do Tòa án thu thập, có chứng thực của Văn phòng công chứng và chứng nhận của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K).

Tại kết luận giám định số 71 ngày 29/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Lăk đã kết luận:

Chữ ký tại dòng viết thứ 11 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Văn Thị N trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra.

Chữ viết có nội dung "Văn Thị" tại dòng viết thứ 12 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Văn Thị N trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Đức C tại dòng viết viết thứ 13,14 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định ký hiệu Á so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Đức C trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra.

Căn cứ vào kết quả giám định, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ,

ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N không trả nợ cho bà M là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải trả cho bà Trần Thị M số tiền gốc 150.000.000đ.

[3] Về lãi xuất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền 150.000.000đ tiền gốc kể từ ngày 17/8/2018 (Dương lịch) cho tới ngày xét xử vụ án. Xét thấy trong giấy vay tiền ngày 07/7/2017(Âm lịch) thì các đương sự không thoả thuận lãi suất và nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó cần chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn kể từ ngày 17/8/2018 (Dương lịch) cho tới ngày xét xử, ngày 05/9/2019: 150.000.000đ x 10% x thời hạn chậm trả 01 năm 18 ngày = 15.747.000đ.

[4] Về chi phí giám định: Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự, do ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N cố tình không hợp tác làm việc nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và kết quả giám định xác định đúng chữ ký, chữ viết là của ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N. Do đó ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải chịu tiền chi phí giám định là 5.760.000đồng. Bà Trần Thị M được nhận lại 5.760.000đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị M không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 160; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Buộc ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải trả cho bà Trần Thị M tổng số tiền 165.747.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 150.000.000đ và 15.747.000đ tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về chi phí giám định: Buộc ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải chịu tiền chi phí giám định là 5.760.000đ (Năm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng). bà Trần Thị M được nhận lại 5.760.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N.

[3] Về án phí: Buộc ông Huỳnh Đức C và bà Văn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 8.287.000đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: 0009331 ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Đôn